**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TRIỆU PHONG**
**TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2024
"V/v ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đăng Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Quang Dưỡng và bà Lê Thị Hồng Huệ.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị X, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Y, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Z, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2024 và ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị X trong quá trình giải quyết vụ án, thì nội dung vụ án như sau: Bà Võ Thị X và ông Nguyễn Y tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Uỷ ban nhân dân xã Đ (nay là UBND xã Q), huyện Z. Sau ngày cưới vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ chồng tại thôn P, xã Q, huyện Z, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên to tiếng, cãi vã lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Tháng 10 năm 2020, bà X bỏ về sống cùng bố, mẹ ruột ở thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị từ đó cho đến nay. Thơi gian đầu bà X mới bỏ về, ông Y có liên lạc với bà và khuyên bảo bà X quay trở lại chung sống với ông Y nhưng bà không đồng ý. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Bà X thấy hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho

bà được ly hôn ông Nguyễn Y. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho ông Nguyễn Y. Tuy nhiên, ông Nguyễn Y từ chối nhận văn bản Tố tụng của Tòa án cũng như không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc trên theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Y vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà X được ly hôn với ông Y; Về con chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Võ Thị X và bị đơn ông Nguyễn Y theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 19/4/2024, Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, ông Y đã từ chối nhận văn bản Tố tụng của Tòa án, sự việc đã được Tòa án lập biên bản ghi nhận, có xác nhận của Công an xã Q. Hết thời hạn thông báo ông Nguyễn Y không gửi văn bản phản hồi ý kiến về vụ án. Ngày 09/5/2024 và ngày 28/5/2024 Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần một diễn ra vào ngày 20/5/2024 và lần hai vào ngày 05/6/2024, tuy nhiên ông Y vẫn từ chối nhận văn bản. Ngày 20/5/2024, ngày 05/6/2024, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Y vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được có sự chứng kiến của bà X và ra Thông báo về kết quả phiên họp cho ông Y được biết. Ngày 20/6/2024, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho ông Nguyễn Y, bà Võ Thị X tuy nhiên ông Nguyễn Y vẫn từ chối nhận văn bản Tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc theo quy định có xác nhận của Công an xã Q. Tại phiên tòa ngày 05/7/2024, ông Nguyễn Y vắng mặt không lý do, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên toà vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 22 tháng 7 năm 2024. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Y vắng mặt lần thứ hai không lý do, nguyên đơn bà Võ Thị

X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[2]** Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị X và ông Nguyễn Y yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ (nay là UBND xã Q), huyện Z, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20 tháng 8 năm 2018 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống và làm ăn với nhau tại nhà ông Y, thôn P, xã Q, huyện Z. Theo đơn trình bày của nguyên đơn thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai người khác nhau nên thường xuyên cãi vã nhau. Cả hai cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, bà X đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Y để mỗi người tự lo cuộc sống của mình. Ngày 18/6/2024, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Y và bà X tại UBND xã Q. Qua xác minh, được biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Y và bà X sống chung với nhau tại nhà của ông Y ở thôn P, xã Q, huyện Z, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng ông Y, bà X sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Cuối năm 2020, bà X bỏ về nhà của mình ở xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị sinh sống và không quay lại sống với ông Y nữa. Từ cuối năm 2020 đến nay, vợ chồng ông Nguyễn Y và bà Võ Thị X sống ly thân với nhau.

Qua xem xét đơn khởi kiện của bà X và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Y, bà X tại địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: vợ chồng bà X và ông Y đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không liên lạc với nhau và không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng ông Y và bà X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà X được ly hôn ông Y.

[3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Võ Thị X nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị X được ly hôn ông Nguyễn Y.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Võ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000112 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (bà X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Đăng Khoa**